

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
SABECO SÔNG TIỀN**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thương Mại SABECO Sông Tiền cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Thương Mại SABECO Sông Tiền ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 54.0.3.000030 do Sở kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 năm 2008 về người đại diện pháp luật của Công ty và tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên thành 40 tỷ đồng.

Trụ sở:

Công ty có trụ sở chính và kho được đặt tại số 5E đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long.

Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Chi nhánh Long An	Số 140 đường 833, khu phố Phú Nhơn, phường 5, thị xã Tân An, tỉnh Long An.
Chi nhánh Tiền Giang	Số 333, quốc lộ 50, ấp 2, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
Chi nhánh Trà Vinh	Quốc lộ 53, ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
Chi nhánh Đồng Tháp	Số 1013 Điện Biên Phủ, Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Chi nhánh Bến Tre	Số 24/E3 đường Nguyễn Thị Định, ấp Phú Thành, xã Phú Hưng, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo giấy phép đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Mua bán rượu, bia, nước giải khát; Kinh doanh nhà hàng ăn uống; Vận chuyển hàng hóa đường bộ; Cho thuê kho bãi.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, hoạt động chủ yếu của Công ty là mua bán rượu, bia, nước giải khát.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

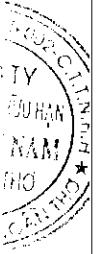
Bà Lê Thị Xuân Hoàn	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Châu Long	Thành viên
Ông Trịnh Văn Hòa	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Trần Kim Chiến	Giám đốc
Ông Bùi Chí Hiếu	Kế toán trưởng

Ban Kiểm Soát

Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban
Ông Huỳnh Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Thành viên



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

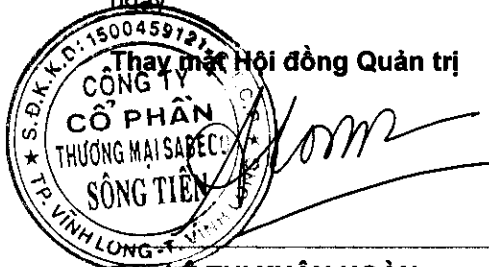
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.


Thay mặt Hội đồng Quản trị
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI SABECO
SÔNG TIỀN
TP. VINH LONG - T. VĨNH LONG

Bà LÊ THỊ XUÂN HOÀN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Vinh Long, ngày 31 tháng 01 năm 2011



Tel.: +84 8 22200237
Fax: +84 8 22200265
www.bdo.vn

Ho Chi Minh City Head Office
Indochina Park Tower, 2/F
4 Nguyen Dinh Chieu Street
District 1, Ho Chi Minh City
Vietnam

Số : 042-CT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của
Công Ty Cổ Phần Thương Mại SABECO Sông Tiền

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Thương Mại SABECO Sông Tiền (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 23 kèm theo.

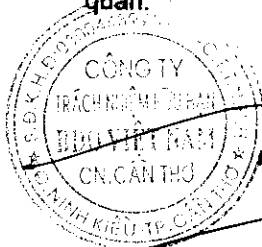
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Thương Mại SABECO Sông Tiền, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

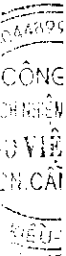


ĐẶNG THỊ MỸ VĂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM – CN CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 31 tháng 01 năm 2011

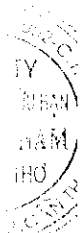


CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.752.918.467	72.619.150.509
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	40.223.151.357	16.993.892.347
Tiền	111		40.223.151.357	16.993.892.347
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	20.000.000.000	40.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		20.000.000.000	40.000.000.000
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		2.207.899.353	1.955.938.560
Phải thu khách hàng	131	4.3	386.934.474	407.810.238
Trả trước cho người bán	132	4.4	866.090.740	20.600.140
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	954.874.139	1.529.241.982
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(1.713.800)
Hàng tồn kho	140	4.6	15.695.439.356	13.334.751.051
Hàng tồn kho	141		15.695.439.356	13.334.751.051
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		626.428.401	334.568.551
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		222.622.770	260.098.086
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	281.655.631	20.568.465
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	122.150.000	53.902.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.647.233.481	30.353.908.670
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		18.675.857.377	3.833.791.865
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	4.566.849.181	1.194.661.865
Nguyên giá	222		5.418.373.253	1.571.225.070
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(851.524.072)	(376.563.205)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	3.095.514.125	-
Nguyên giá	228		3.147.229.159	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.715.034)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	11.013.494.071	2.639.130.000
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.11	8.313.464.327	7.989.300.688
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		9.211.214.327	9.630.214.327
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(897.750.000)	(1.640.913.639)
Tài sản dài hạn khác	260		29.657.911.777	18.530.816.117
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	29.657.911.777	18.530.816.117
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		135.400.151.948	102.973.059.179



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		72.058.659.841	39.148.352.304
Nợ ngắn hạn	310		51.336.505.182	37.084.446.202
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.13	31.023.727.641	10.277.884.722
Người mua trả tiền trước	313		154.783.976	77.398.520
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	3.524.676.715	5.391.760.732
Phải trả công nhân viên	315		3.886.485.728	1.755.486.337
Chi phí phải trả	316	4.15	2.903.935.087	1.847.497.569
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.16	4.865.199.026	14.175.482.167
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.17	4.977.697.009	3.558.936.155
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		20.722.154.659	2.063.906.102
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.18	20.653.831.074	2.062.317.400
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		68.323.585	1.588.702
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.341.492.107	63.824.706.875
Vốn chủ sở hữu	410	4.19	63.341.492.107	63.824.706.875
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		8.073.400.911	5.565.701.685
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.133.659.978	2.879.810.365
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	300.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		11.134.431.218	15.079.194.825
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		135.400.151.948	102.973.059.179

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
 CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		140.800.000	140.800.000
Nợ khó đòi đã xử lý		1.713.800	-
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

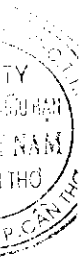


BÙI CHÍ HIẾU
Q. Kế toán trưởng



TRẦN KIM CHIẾN
Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 01 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.605.185.328.320	1.362.231.023.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	1.605.185.328.320	1.362.231.023.000
Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.530.139.178.470	1.300.169.079.325
Lợi nhuận gộp	20		75.046.149.850	62.061.943.675
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.949.266.684	1.848.780.528
Chi phí tài chính	22	5.4	(743.163.639)	(546.088.745)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.5	37.977.184.064	24.645.852.433
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	7.598.344.080	4.261.360.870
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		34.163.052.029	35.549.599.645
Thu nhập khác	31	5.7	111.692.140	20.113.049.628
Chi phí khác	32	5.8	100.951.651	14.199.733.734
Lợi nhuận khác	40		10.740.489	5.913.315.894
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.173.792.518	41.462.915.539
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	9.096.800.254	7.239.226.714
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.076.992.264	34.223.688.825
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	6.269	8.556



BÙI CHÍ HIẾU
Q. Kế toán trưởng



TRẦN KIM CHIẾN
Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 01 năm 2011

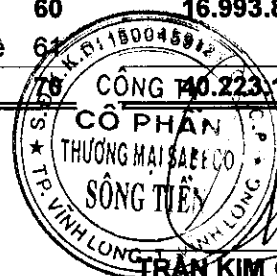
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	2010 VND	2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	34.173.792.518	41.462.915.539
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	526.675.901	154.211.100
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(678.142.556)	(566.140.295)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.959.514.707)	(7.083.943.833)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	30.062.811.156	33.967.042.511
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(210.915.491)	5.192.436.653
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(2.360.688.305)	5.434.962.371
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	27.110.808.779	(10.750.950.722)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(11.089.620.344)	(5.086.280.772)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.166.721.407)	(5.252.624.698)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	19.955.403.674	28.777.992.312
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.268.268.373)	(23.619.988.829)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.032.809.689	28.662.588.826
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(15.368.741.413)	(2.850.370.433)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	10.248.023	5.235.163.305
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(40.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	20.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.584.800.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	419.000.000	227.572.800
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.580.600.016	1.788.780.528
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.641.106.626	(37.183.653.800)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36.444.657.305)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.444.657.305)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	23.229.259.010	(8.521.064.974)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	16.993.892.347	25.514.957.321
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	62	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	40.223.151.357	16.993.892.347

BÙI CHÍ HIẾU
Q. Kế toán trưởng



TRẦN KIM CHIẾN
Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Thương Mại SABECO Sông Tiền ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 54.0.3.000030 đăng do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 17 tháng 3 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 8 năm 2008 về người đại diện pháp luật của Công ty và tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên thành 40 tỷ đồng.

Trụ sở:

Công ty có trụ sở chính và kho được đặt tại số 5E đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long.

Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Chi nhánh Long An	Số 140 đường 833, khu phố Phú Nhơn, phường 5, thị xã Tân An, tỉnh Long An.
Chi nhánh Tiền Giang	Số 333, quốc lộ 50, ấp 2, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
Chi nhánh Trà Vinh	Quốc lộ 53, ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
Chi nhánh Đồng Tháp	Số 1013 Điện Biên Phủ, Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Chi nhánh Bến Tre	Số 24/E3 đường Nguyễn Thị Định, ấp Phú Thành, xã Phú Hưng, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo giấy phép đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh của công ty là: Mua bán rượu, bia, nước giải khát; Kinh doanh nhà hàng ăn uống; Vận chuyển hàng hóa đường bộ; Cho thuê kho bãi.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, hoạt động chủ yếu của công ty là mua bán rượu, bia, nước giải khát.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số nhân viên của Công ty là 83 người, trong đó số nhân viên quản lý là 8 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký – Sổ cái.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Máy móc thiết bị	7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	10 năm

3.5 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có xác định thời gian nên tính khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất 45 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.6 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu hoặc đầu tư vào các đơn vị khác có thời hạn thu hồi hoặc nắm giữ trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi các loại chứng khoán đầu tư bị giảm giá. Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính, trường hợp hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư được ghi giảm vào chi phí tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư các cổ phiếu chưa niêm yết được lập trên cơ sở là chênh lệch giữa giá gốc ban đầu trừ đi giá giao dịch bình quân của các loại chứng khoán được cung cấp tối thiểu bởi 3 công ty chứng khoán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị của bao bì vỏ chai, vỏ két, pallet để hàng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ trong thời gian từ 1 đến 4 năm kể từ khi phát sinh.

3.8 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm chi phí các chương trình tiếp thị quán, hỗ trợ vận chuyển, hỗ trợ hao bẻ và các chi phí khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

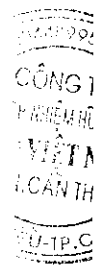
3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.11 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Công ty liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	TP.HCM	Công ty mẹ của nhà đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại SA BE CO	TP.HCM	Công ty mẹ (nhà đầu tư)
Công ty CP Vận Tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con tổng công ty
Công ty CP Rượu Bình Tây	TP.HCM	Công ty con tổng công ty
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Tây Đô	Cần Thơ	Công ty liên kết của TCT CP Bia Rượu NGK Sài Gòn

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	230.736	6.196.888
Tiền gửi ngân hàng	40.222.920.621	16.987.695.459
	<u>40.223.151.357</u>	<u>16.993.892.347</u>

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	20.000.000.000	40.000.000.000
	<u>20.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>

4.3 Các khoản phải thu thương mại

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	339.769.100	339.769.100
Công ty TNHH MTV Thương Mại SA BE CO	11.888.800	-
Công ty CP Rượu Bình Tây	34.615.614	34.615.614
Phải thu đối tượng khác	660.960	34.425.524
	<u>386.934.474</u>	<u>407.810.238</u>

4.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ phần NGK Chương Dương	14.000.140	14.000.140
Hợp tác xã Vĩnh Lợi	634.240.600	-
Đối tượng khác	217.850.000	6.600.000
	<u>866.090.740</u>	<u>20.600.140</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu các bên có liên quan	493.405.034 (*)	493.405.034
Cổ tức phải thu	57.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	311.666.668	-
Phải thu khác	92.802.437	1.035.836.948
	954.874.139	1.529.241.982

(*) Trong đó có 462.429.034 VND là khoản chi hộ cho nhân viên thị trường của Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn (gọi tắt là Tổng Công ty) từ tháng 6 năm 2008 trở về trước.

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	1.063.279.140	2312.483.850
Hàng hóa tồn kho	8.267.912.798	9.026.459.348
Chi phí mua hàng	281.196.777	400.539.013
Vật phẩm quảng cáo	6.083.050.641	1.595.268.840
	15.695.439.356	13.334.751.051

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng nhân viên	122.150.000	53.902.000
	122.150.000	53.902.000

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2010	42.339.440	1.206.273.238	322.612.392	1.571.225.070
Tăng trong năm	33.420.000	3.733.182.726	80.545.457	3.847.148.183
Vào ngày 31/12/2010	75.759.440	4.939.455.964	403.157.849	5.418.373.253
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2010	9.746.847	288.064.366	78.751.992	376.563.205
Khấu hao trong năm	8.650.635	369.506.172	96.804.060	474.960.867
Vào ngày 31/12/2010	18.397.482	657.570.538	175.556.052	851.524.072
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2010	32.592.593	918.208.872	243.860.400	1.194.661.865
Vào ngày 31/12/2010	57.361.958	4.281.885.426	227.601.797	4.566.849.181
Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao vẫn sử dụng	-	-	36.548.582	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>		
Vào ngày 01/01/2010	-	-
Tăng trong năm	3.147.229.159	3.147.229.159
Vào ngày 31/12/2010	<u>3.147.229.159</u>	<u>3.147.229.159</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Vào ngày 01/01/2010	-	-
Khấu hao trong năm	51.715.034	51.715.034
Vào ngày 31/12/2010	<u>51.715.034</u>	<u>51.715.034</u>
<i>Giá trị còn lại</i>		
Vào ngày 01/01/2010	-	-
Vào ngày 31/12/2010	<u>3.095.514.125</u>	<u>3.095.514.125</u>

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

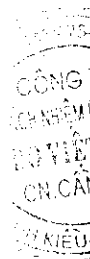
	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công trình xây dựng kho chi nhánh Trà Vinh	288.086.380	2.639.130.000
Công trình xây dựng kho chi nhánh Bến Tre	2.481.697.000	-
Công trình xây dựng kho chi nhánh Đồng Tháp	2.944.801.500	-
Công trình xây dựng kho chi nhánh Long An	2.743.349.191	-
Công trình xây dựng kho chi nhánh Vĩnh Long	2.555.560.000	-
	<u>11.013.494.071</u>	<u>2.639.130.000</u>

4.11 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư cổ phiếu	5.995.000.000	5.995.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.216.214.327	3.635.214.327
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(897.750.000)	(1.640.913.639)
	<u>8.313.464.327</u>	<u>7.989.300.688</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi tiết khoản đầu tư – cổ phiếu như sau:

	Số cổ phần	Mệnh giá VND	Giá mua VND	Giá trị VND
Tổng công ty CP Bia-Rượu- NGK Sài Gòn	28.500	10.000	70.000	1.995.000.000
Công ty CP bia NGK Sài Gòn Tây Đô	325.000	10.000	10.000	3.250.000.000
Công ty cổ phần rượu Bình Tây	30.000	10.000	25.000	750.000.000
	<u>383.500</u>			<u>5.995.000.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiết đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nhà hàng Quang Kiệt (Đoàn Quang Kiệt)	338.000.000	353.000.000
Hội quán bia Sài Gòn – Trà Vinh	160.319.727	160.200.000
Công ty CP Vận Tải và TM Minh Thảo	-	160.000.000
Hội quán Tư Loa Đồng Tháp	60.000.000	84.000.000
Hội quán bia Sài Gòn Vĩnh Long	2.657.894.600	2.878.014.327
	3.216.214.327	3.635.214.327

Tăng/(giảm) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư đầu kỳ	1.640.913.639	2.187.002.384
Dự phòng giảm giá trong kỳ	243.276.000	
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(986.439.639)	546.088.745
Dự phòng giảm giá đầu tư cuối kỳ	897.750.000	1.640.913.639

Chi tiết lập dự phòng / hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

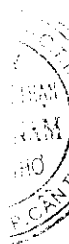
Tên đơn vị	Số cổ phần	Dự phòng giảm giá đầu tư đã lập 2009	Dự phòng giảm giá đầu tư phải lập 2010	Lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư 2010
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn SABECO	28.500	654.474.000	897.750.000	243.276.000
Công ty Cổ phần Bia NGK Sài Gòn Tây Đô		986.439.639	-	(986.439.639)
		1.640.913.639	897.750.000	(743.163.639)

4.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	58.833.023	123.299.051
Vỏ chai, vỏ két chai, pallet	(a) 29.599.078.754	18.407.517.066
	29.657.911.777	18.530.816.117

(a) Biến động vỏ bao bì chai két trong năm 2010 như sau:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Số dư đầu năm	18.407.517.066	13.599.238.353
Phát sinh tăng trong năm	17.977.192.400	25.668.118.000
Phản bổ vào chi phí trong năm	(6.743.961.735)	(6.327.109.700)
Thanh lý trong năm	(41.668.977)	(14.532.729.587)
Số dư cuối năm	29.599.078.754	18.407.517.066



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.13 Phải trả người bán

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải trả người bán các bên liên quan	30.741.982.076	7.673.723.818
Phải trả người bán khác	281.745.565	2.604.160.904
	<u>31.023.727.641</u>	<u>10.277.884.722</u>

4.14 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	281.655.631	20.568.465
	<u>281.655.631</u>	<u>20.568.465</u>

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	526.843.798	1.296.500.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.872.821.106	3.942.742.259
Thuế thu nhập cá nhân	125.011.811	152.518.162
	<u>3.524.676.715</u>	<u>5.391.760.732</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	1.296.500.311	254.340.191.413	255.109.847.926	526.843.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.942.742.259	9.096.800.254	10.166.721.407	2.872.821.106
Thuế thu nhập cá nhân	152.518.162	389.892.011	417.398.362	125.011.811
	<u>5.391.760.732</u>	<u>263.826.883.678</u>	<u>265.693.967.695</u>	<u>3.524.676.715</u>

4.15 Chi phí phải trả

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng	2.540.485.220	1.079.270.201
Chi phí hỗ trợ hao bể bao bì tháng 12	72.630.407	606.829.106
Chi phí bốc xếp tháng 12	290.819.460	161.398.262
	<u>2.903.935.087</u>	<u>1.847.497.569</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	335.633.371	119.941.500
Bảo hiểm thất nghiệp	22.956.255	14.415.069
Cổ tức phải trả	-	14.000.000.000
Phải trả khác	4.506.609.400 (*)	41.125.598
	4.865.199.026	14.175.482.167

(*) Tiền thực hiện chương trình bật nắp chai của Tổng Công ty Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn đã chi trả 117.390.600 VND nhưng chưa quyết toán.

4.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số dư đầu năm VND	Tăng quỹ trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Quỹ khen thưởng	1.867.913.152	1.253.849.613	442.494.896	2.679.267.869
Quỹ phúc lợi	1.691.023.004	1.253.849.613	946.443.477	1.998.429.140
Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	300.000.000	-	300.000.000
	3.558.936.155	2.807.699.226	1.388.938.372	4.977.697.009

4.18 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền cược bao bì, vỏ chai kết	20.653.831.074	2.062.317.400
	20.653.831.074	2.062.317.400

4.19 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 8 năm 2008 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, công ty mẹ của Công ty đã góp đủ vào vốn điều lệ của Công ty.

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		Tỉ lệ góp vốn %
	Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Vốn thực góp VND	
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại SA BE CO	36.000.000.000	36.000.000.000	90,00
Bà Trần Kim Chiến	27.000.000	27.000.000	0,07
Ông Trần văn Giàu	27.500.000	27.500.000	0,07
Cổ đông khác	3.945.500.000	3.945.500.000	9,86
	40.000.000.000	40.000.000.000	100,00



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng/Ban điều hành	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2009	40.000.000.000	1.881.239.832	940.619.916	-	4.560.120.155	47.381.979.903
Lợi nhuận tăng năm nay	-	-	-	-	34.223.688.825	34.223.688.825
Tích quỹ trong năm	-	3.684.461.853	1.939.190.449	396.500.000	(6.020.152.302)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Tích quỹ KTPL, BĐH	-	-	-	-	(3.684.461.853)	(3.684.461.853)
Chi quỹ KT BĐH	-	-	-	(96.500.000)	-	(96.500.000)
Số dư 31/12/2009	40.000.000.000	5.565.701.685	2.879.810.365	300.000.000	15.079.194.825	63.824.706.875
Số dư 01/01/2010	40.000.000.000	5.565.701.685	2.879.810.365	300.000.000	15.079.194.825	63.824.706.875
Lợi nhuận tăng năm nay	-	-	-	-	25.076.992.264	25.076.992.264
Tích quỹ trong năm nay	-	2.507.699.226	1.253.849.613	-	(3.761.548.839)	-
Tích quỹ KTPL, BĐH	-	-	-	-	(2.507.699.227)	(2.507.699.227)
Chi quỹ KT BĐH	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.452.507.805)	(22.452.507.805)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư 31/12/2010	40.000.000.000	8.073.400.911	4.133.659.978	-	11.134.431.218	63.341.492.107

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

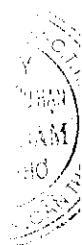
	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại SA BE CO	36.000.000.000	36.000.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	4.000.000.000	4.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-
	40.000.000.000	40.000.000.000

Cổ phiếu

	2010	2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đầu năm	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối năm	4.000.000	4.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: không có



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu bán bia	1.599.660.339.490	1.343.678.366.600
Doanh thu bán rượu	428.130.050	1.361.954.470
Doanh thu bán nước ngọt	188.772.804	13.488.925.538
Doanh thu nội bộ (vật phẩm quảng cáo)	4.870.364.726	3.331.776.392
Doanh thu trao đổi bao bì	37.721.250	370.000.000
	1.605.185.328.320	1.362.231.023.000

5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2010 VND	2009 VND
Giá vốn sản phẩm bia	1.524.680.992.347	1.282.359.679.969
Giá vốn sản phẩm rượu	383.822.440	1.200.070.510
Giá vốn sản phẩm nước giải khát	167.248.957	12.907.552.454
Giá vốn vật phẩm quảng cáo	4.870.364.726	3.331.776.392
Giá vốn trao đổi bao bì	36.750.000	370.000.000
	1.530.139.178.470	1.300.169.079.325

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.491.850.575	1.660.081.528
Cổ tức, lợi nhuận được chia	457.416.109	188.699.000
	3.949.266.684	1.848.780.528

5.4 Chi phí tài chính

	2010 VND	2009 VND
Dự phòng /(hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính	(743.163.639)	(546.088.745)
	(743.163.639)	(546.088.745)

5.5 Chi phí bán hàng

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nhân viên	11.180.275.597	3.711.875.000
Chi phí bao bì, công cụ, dụng cụ	188.389.192	11.735.598
Chi phí hao mòn bao bì, vỏ chai	6.743.961.735	6.654.345.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	373.081.067	11.243.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.123.477.414	9.812.954.589
Chi phí hỗ trợ bán hàng	13.367.999.059	4.443.698.178
	37.977.184.064	24.645.852.433



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nhân viên	5.477.212.876	2.393.125.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	125.409.750	83.021.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.594.834	142.967.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.667.326.620	1.348.676.067
Chi phí bằng tiền khác	174.800.000	293.570.893
	7.598.344.080	4.261.360.870

5.7 Thu nhập khác

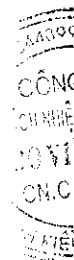
	2010 VND	2009 VND
Thu thanh lý vỏ chai kết	51.917.000	19.331.242.102
Thu hỗ tiền hỗ trợ bán hàng	3.216.401	677.919.334
Thu tiền bồi thường hao bể	56.558.739	103.888.192
	111.692.140	20.113.049.628

5.8 Chi phí khác

	2010 VND	2009 VND
Chi phí vỏ chai và kết bia thanh lý	41.668.977	14.096.078.797
Chi hỗ tiền hỗ trợ bán hàng	-	93.654.937
Chi phí khác	59.282.674	10.000.000
	100.951.651	14.199.733.734

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	34.173.792.518	41.462.915.539
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) thu nhập chịu thuế		-
Các khoản điều chỉnh tăng	3.657.264.245	470.100.000
<i>Chi phí vượt mức không chế</i>	3.209.284.245	-
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	447.980.000	470.100.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.443.855.748)	(566.005.745)
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư</i>	(986.439.639)	(546.088.745)
<i>Cổ tức đầu tư được chia</i>	(457.416.109)	(19.917.000)
Thu nhập chịu thuế trong năm	36.387.201.015	41.367.009.794
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN ước tính trong năm	9.096.800.254	10.341.752.449
Thuế thu nhập được giảm theo Thông tư 03/2009	-	(3.102.525.735)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.096.800.254	7.239.226.714



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận sau thuế	25.076.992.264	34.223.688.825
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.019.919
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.269	8.556

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

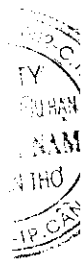
6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty có các nghiệp vụ phát sinh với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nghiệp vụ	Nghiệp vụ phát sinh VND
Công ty TNHH Một Thành Viên TM SA BE CO	Mua hàng	1.624.428.049.299
	Trả tiền hàng	1.602.156.326.071
	Bán chai kết	11.888.800
	Trả cổ tức	33.120.000.000
Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây	Mua hàng hóa	124.080.000
	Thanh toán tiền hàng	124.080.000
Công ty CP VT và Giao nhận Bia Sài Gòn	Tiền vận chuyển hàng hóa	75.244.977.910
	Thanh toán tiền vận chuyển	74.276.929.915
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Bán hàng - thu tiền	4.534.200
	Nhận tiền chi hộ chương trình bật nắp chai	4.624.000.000
	Chi hộ chương trình bật nắp chai	117.390.600
	Tiền cổ tức năm 2010	57.000.000

Các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan vào ngày kết thúc năm tài chính để thể hiện như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/ (Phải trả) VND
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Phải thu tiền bán hàng	339.769.100
	Phải thu tiền chi hộ cho nhân viên thị trường TCT	462.429.034
	Phải trả tiền chi hộ chương trình bật nắp chai	(4.506.609.400)
	Phải thu tiền cổ tức 2010	57.000.000
Công ty cổ phần NGK Chương Dương	Trả thừa tiền mua hàng	14.000.140
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại SA BE CO	Phải trả tiền mua hàng	(24.090.009.110)
	Phải thu tiền bán vỏ két	11.888.800



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/ (Phải trả) VND
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Phải trả tiền mua hàng Phải thu hoa hồng Phải thu tiền chi hộ	(189.779.960) 34.615.614 30.976.000
Công ty CP VT và Giao nhận Bia Sài Gòn	Phải trả tiền vận chuyển	(6.692.905.971)

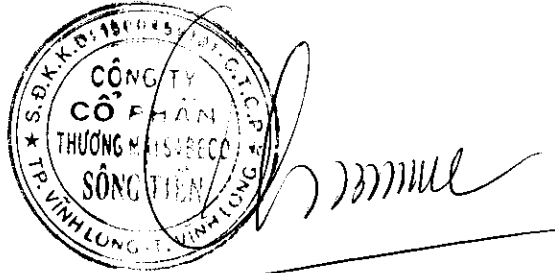
6.2 Đầu tư góp vốn vào các công ty liên quan như sau:

Vào ngày kết thúc năm tài chính Công ty có các khoản đầu tư vào các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Giá trị đầu tư VND
Tổng Công ty CP Bia Rượu – NGK Sài Gòn	Đầu tư mua cổ phiếu	1.950.000.000
Công ty CP Bia – NGK Sài Gòn Tây Đô	Góp vốn điều lệ	3.250.000.000



BÙI CHÍ HIẾU
Q.Kế toán trưởng



TRẦN KIM CHIẾN
Giám đốc

Thành phố Vĩnh Long, ngày 31 tháng 01 năm 2011